zhàng peng

帐篷

Noun · tent

Example Sentences

zhè shì yí gè zhàng péng
这是一个 帐 篷 。

This is a tent.

nǐ nán dào bù jué de zhè ge zhàng péng de yán sè tài xiān yàn le ma
你难道不觉得这个 帐 篷 的颜色太鲜艳了吗？

Don't you think the color of this tent is too bright?

wǒ men zài gōng yuán lǐ dā le yí gè zhàng péng
我们在公 园 里搭了一个 帐 篷 。

We set up a tent in the park.

Trace each character, then write the word on your own.